

## CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

### 1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

- Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: **CÔNG TY TƯ VẤN ĐỊA KỸ THUẬT (HEC14) - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP TẠI HÀ NỘI**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số **0100103175-004** (lần 4) cấp ngày 12 tháng 9 năm 2022 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội, Phòng đăng ký Kinh doanh.

- Địa chỉ: Số 95/8/116 phố Chùa Bộc, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 024.38526273.

- Email: [tvdk@hec.com.vn](mailto:tvdk@hec.com.vn)

- Mã số thuế: 0100103175 - 004.

- Tên phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: **PHÒNG THÍ NGHIỆM**

- Địa chỉ: Số 95/8/116 phố Chùa Bộc, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội.

- Phòng thí nghiệm đã xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng theo các yêu cầu tiêu chuẩn ISO/IEC17025: 2017 số 190320/VNT-119 do Công ty TNHH MTV khoa học kỹ thuật VINATEST cấp ngày 19/03/2020.

- Mã số phòng thí nghiệm tại thời điểm công bố thông tin: LAS-XD 24.020 (theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 01/GCN-SXD(GĐCL) ngày 30/01/2024 và số 26/GCN-SXD ngày 03/06/2025 của Sở xây dựng thành phố Hà Nội).

- Trang điện tử công bố thông tin phòng thí nghiệm: <https://hec.com.vn>

### 2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

- Trưởng phòng thí nghiệm: Ông Trần Đăng Tuấn - Kỹ sư địa chất công trình - Chứng nhận bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 911/2006/VKH-THXD Viện Khoa học Công nghệ xây dựng cấp ngày 15/12/2006.

- Các thí nghiệm viên đều có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp cho mỗi lĩnh vực thí nghiệm cùng với đội ngũ hỗ trợ là các kỹ sư địa chất công trình.

- Máy móc thiết bị đầy đủ cho các thí nghiệm và định kỳ được kiểm định.

*(Chi tiết thông tin năng lực hoạt động thí nghiệm xem tại mục 2.1 & 2.2 dưới đây)*

2.1. Thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 01/GCN-SXD(GĐCL) ngày 30/01/2024 của Sở xây dựng thành phố Hà Nội.

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
<b>I</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG</b>			
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN13605:2023; ASTM C184, C188, C204; AASHTO T133, T153, T192	Cân điện tử, bộ sàng tiêu chuẩn, bình tỷ trọng, máy đo độ mịn Blaine, ...	1. Trần Đăng Tuấn 2. Bùi Bá Trường 3. Quảng Thị Hương 4. Nguyễn Thúy Lựu 5. Nguyễn Thị Mai Anh 6. Chu Thị Hiền 7. Đinh Thị Vân Huyền 8. Lê Thị Quyên 9. Nguyễn Thanh Hà 10. Trần Việt Cường 11. Nguyễn Thủy Nguyên 12. Nguyễn Quốc Quân
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011; ISO 679:2009; TCVN 9488:2012; ASTM C109; AASHTO T106	Máy trộn vữa, khuôn tiêu chuẩn, bộ đầm, dụng cụ thử cường độ uốn, máy thử cường độ nén, ...	
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; ASTM C187, C191, C266, C451; AASHTO T131, T129	Cân, ống đong có chia vạch, máy trộn, đồng hồ bấm giây, thước, ...	
<b>II</b>	<b>THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG</b>			
4	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; EN 12350-2:09; ASTM C143; AASHTO T119; BS 1881	Côn thử độ sụt, thước lá, thanh thép tròn trơn, phễu đổ hỗn hợp, ...	
5	Thử độ cứng Vebe	TCVN 3107:2022	Nhớt kế Vebe, bàn rung, đồng hồ bấm giây, thanh thép tròn, trơn, ...	
6	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022; BS EN 12350-6; ASTM C138; AASHTO T121	Thùng kim loại, thiết bị đầm, thước lá, cân điện tử, ...	
7	Xác định độ tách vữa, tách nước	TCVN 3109:2022; ASTM C232; EN 480-4; AASHTO T158; BS EN 12350-4	Khuôn thép, bàn rung, thanh thép tròn, cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, thước lá, tủ sấy, khay sắt, ...	
8	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022; ASTM C642	Bình khối lượng riêng, cân kỹ thuật, búa con, cối chày đồng, bình hút ẩm, tủ sấy, dầu hỏa, cón, sàng tiêu chuẩn, ...	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
9	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022; ASTM C642; ASTM C1585	Máy thử độ thấm tự động, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu, tủ sấy, bàn chải sắt,...	1. Trần Đăng Tuấn 2. Bùi Bá Trường 3. Quảng Thị Hương 4. Nguyễn Thúy Lựu 5. Nguyễn Thị Mai Anh 6. Chu Thị Hiền 7. Đinh Thị Vân Huyền 8. Lê Thị Quyên 9. Nguyễn Thanh Hà 10. Trần Viết Cường 11. Nguyễn Thúy Nguyên 12. Nguyễn Quốc Quân
10	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022; ASTM C138, C642; AASHTO T121	Cân kỹ thuật, bộ thước kỹ thuật, thùng đong, parafil,...	
11	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022; ASTM C39, C42; AASHTO T22, T140, T42	Máy nén bê tông thủy lực, thước lá, đệm truyền tải...	
12	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; ASTM C293, C78; AASHTO T97, T177	Máy nén uốn bê tông kết hợp với bộ gá uốn chuyên dụng,...	
13	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:2022; AASHTO T198; ASTM C496-11; ASTM B3067	Máy nén bê tông kết hợp với bộ gá bừa chuyên dụng,...	
14	Xác định cường độ lăng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022	Máy nén thủy lực, bộ khung gá đo biến dạng, thước lá,...	
<b>III</b>	<b>THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA</b>			
15	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006; ASTM C136; AASHTO T27	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân điện tử, tủ sấy...	
16	Hướng dẫn xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:2006	Kính lúp, kính hiển vi, dung dịch axit HCL, que gạt, cân kỹ thuật điện tử,...	
17	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; ASTM C127, C128; AASHTO T84	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bình thủy tinh có nắp đậy, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, khay đựng mẫu, sàng tiêu chuẩn...	
18	Xác định khối lượng LR; Khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; ASTM C127; AASHTO T85	Cân thủy tĩnh, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, thước kẹp, tủ sấy, bàn chải sắt,...	
19	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006; TCVN 10322-2014; ASTM C29; AASHTO T19	Cân kỹ thuật, phễu chứa vật liệu, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, thước lá,...	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
20	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006; TCVN10321-2014; ASTM C566; AASHTO T255	Ổng đong, cân kỹ thuật, khay đựng mẫu,...	1. Trần Đăng Tuấn 2. Bùi Bá Trường 3. Quảng Thị Hương 4. Nguyễn Thúy Lựu 5. Nguyễn Thị Mai Anh 6. Chu Thị Hiền 7. Đinh Thị Vân Huyền 8. Lê Thị Quyên 9. Nguyễn Thanh Hà 10. Trần Viết Cường 11. Nguyễn Thủy Nguyên 12. Nguyễn Quốc Quân
21	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; TCVN 9205:2012; ASTM C117, C142; AASHTO T11, T112	Cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, khay đựng mẫu,...	
22	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40; AASHTO T21	Ổng đong, cân kỹ thuật, bếp cách thủy, thang màu,...	
23	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; TCVN 10323-2014	Máy nén thủy lực, máy khoan, máy cưa, thước kẹp, thùng ngâm mẫu, căn kỹ thuật, ..., Máy siêu âm, súng bật nảy...	
24	Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006; ASTM C170, D2938	Máy nén thủy lực, sàng tiêu chuẩn, khuôn nén đập,...	
25	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006; ASTM C131, C535; AASHTO T98, T327	Máy mài mòn Los Angeles, cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn,...	
26	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; ASTM D4791; AASHTO T335	Cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, khuôn nén đập, thước thoi dẹt, ...	
27	Xác định khả năng phản ứng kiềm-silic	TCVN 7572-14:2006; TCVN 9205:2012	Cân kỹ thuật, tủ sấy, lò nung, búa, cối chày, sàng tiêu chuẩn, bình điều nhiệt, máy hút chân không, bếp cách thủy, bếp điện, chén sứ,...	
28	Xác định hàm lượng clorua	TCVN 7572-15:2006; TCVN 9205:2012	Cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, khay đựng, búa, HNO <sub>3</sub> ,...	
29	Xác định hàm lượng sunfat và sunfit	TCVN 7572-16:2006; AASHTO T104; ASTM C88	Cân kỹ thuật, cân phân tích, sàng, bình hút ẩm, tủ sấy, cốc nung, ...	
30	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006; ASTM C142; AASHTO T112	Sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật,...	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
31	Xác định hàm lượng silic oxit vô định hình	TCVN 7572-19:2006	Sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, lò nung, bình kim loại, tủ sấy, bếp cách thủy, bình định mức, nước cất, NaOH, HCL, AgNO <sub>3</sub> , ...	1. Trần Đăng Tuấn 2. Bùi Bá Trường 3. Quảng Thị Hương 4. Nguyễn Thúy Lựu 5. Nguyễn Thị Mai Anh
32	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, khay đựng, chày và cối sứ, kính lúp, ...	6. Chu Thị Hiền 7. Đinh Thị Vân Huyền
33	Xác định hàm lượng Nhôm Oxit (Al <sub>2</sub> O <sub>3</sub> ); Hàm lượng sắt III Oxit (Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub> )	TCVN 7131:2016	Cân phân tích, máy quang phổ, bình định mức và các loại axit /bazo	8. Lê Thị Quyên 9. Nguyễn Thanh Hà 10. Trần Viết Cường
34	Xác định hàm lượng Canxi Oxit (CaO); Hàm lượng Magie Oxit (MgO)	TCVN 7131:2016	Cân phân tích, bếp đun, bình định mức, pipet, buret, cốc chịu nhiệt, các dung dịch tiêu chuẩn, ...	11. Nguyễn Thủy Nguyên 12. Nguyễn Quốc Quân
<b>IV</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG</b>			
35	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012; AASHTO T100; ASTM D854; BS 1377	Bình tỷ trọng, cân kỹ thuật, bếp đun/bếp cát, bình hút ẩm, tủ sấy, rây 0,5mm, nước cất và nhiệt kế, ...	1. Trần Đăng Tuấn 2. Bùi Bá Trường
36	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216; AASHTO T265; BS 1377	Tủ sấy điều chỉnh nhiệt độ, cân điện tử, hộp nhôm có nắp, bình hút ẩm (có hạt hút ẩm), dao, chày sứ/cối sứ, và khay men và cân sấy ẩm khi cần, ...	3. Quảng Thị Hương 4. Nguyễn Thúy Lựu 5. Nguyễn Thị Mai Anh 6. Chu Thị Hiền
37	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; AASHTO T89, T90; ASTM D4318; BS 1377	Thiết bị Casagrande và dao trộn, tủ sấy, hộp nhôm, sàng tiêu chuẩn, chày cối sứ, tấm kính nhám, ...	7. Đinh Thị Vân Huyền 8. Lê Thị Quyên 9. Nguyễn Thanh Hà
38	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014; AASHTO T88, T27; ASTM C136, D421, D422; BS 1377	Bộ sàng tiêu chuẩn, ống đong 1000ml, bình tam giác 250ml, tủ sấy, chày cối sứ, nước cất, tỉ trọng kế, ...	10. Trần Viết Cường 11. Nguyễn Thủy Nguyên 12. Nguyễn Quốc Quân
39	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012; ASTM D3080, 3090; AASHTO T236	Máy cắt phẳng ứng biến và các phụ kiện kèm theo, dao vòng, ...	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
40	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012; ASTM D2435; BS 1377; AASHTO T216	Máy nén tam liên, dao vòng, cân điện tử, ...	1. Trần Đăng Tuấn 2. Bùi Bá Trường 3. Quảng Thị Hương 4. Nguyễn Thúy Lựu 5. Nguyễn Thị Mai Anh 6. Chu Thị Hiền 7. Đinh Thị Vân Huyền 8. Lê Thị Quyên 9. Nguyễn Thanh Hà 10. Trần Viết Cường 11. Nguyễn Thủy Nguyên 12. Nguyễn Quốc Quân
41	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020; 22TCN 333:06; AASHTO T99, T180; ASTM D1557, D698; BS 1377	Cối đầm, tủ sấy, cân kỹ thuật, sàng, khay đựng, cối sủ, thùng đựng, thước kẹp, đồng hồ bấm giây, dao trộn đất,...	
42	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012; ASTM D2937; AASHTO T204	Cân kỹ thuật, dao vòng, tấm kính, dao cắt mẫu, thước cặp, ...	
43	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong Phòng thí nghiệm	22TCN 332-06; TCVN 12792:2020; BS1377; ASSHTO T193; ASTM D1883	Thiết bị gia tải, đồng hồ đo biến dạng, cối CBR, tấm đệm, dụng cụ đo độ trương nở, tấm gia tải, bể ngâm mẫu, tủ sấy, cân, sàng,...	
44	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU; CU; CD; CV)	TCVN 8868:2011; ASTM D2850; ASTM D4767; ASTM D7181; AASHTO T296, T297; BS 1377	Máy nén ba trục, thiết bị chế tạo mẫu, cân kỹ thuật,...	
45	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166, D2938; AASHTO T116, T208; BS 1377	Máy nén, đồng hồ biến dạng, đồng hồ bấm giây, cân kỹ thuật, khay đựng mẫu,...	
46	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:2012; ASTM D2434, D4511; AASHTO T49, T215; BS 1377	Dao vòng chứa mẫu, thiết bị thí nghiệm thấm, dụng cụ chế bị mẫu, nhiệt kế, đồng hồ bấm giây, thước cặp, cân kỹ thuật, dao cắt đất, ...	
47	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012	Phao nổi chuyên dụng, lưới có lỗ ô vuông, bình thủy tinh trong suốt, thiết bị dụng cụ xác định độ ẩm của đất, bình giữ ẩm, cân kỹ thuật,...	
48	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012; ASTM D4829, D4546; AASHTO T258; BS 1377	Thiết bị thí nghiệm trương nở chuyên dụng, dao vòng, cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, dao gạt đất, bộ dụng cụ chế bị mẫu,...	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
49	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012; ASTM D427, D4943; AASHTO T92	Dao vòng, thước kẹp, cân kỹ thuật, dao cắt đất, paraffin, thiết bị dụng cụ xác định độ ẩm, xác định khối lượng thể tích,...	1. Trần Đăng Tuấn 2. Bùi Bá Trường 3. Quảng Thị Hương 4. Nguyễn Thúy Lựu 5. Nguyễn Thị Mai Anh 6. Chu Thị Hiền 7. Đinh Thị Vân Huyền 8. Lê Thị Quyên 9. Nguyễn Thanh Hà 10. Trần Viết Cường 11. Nguyễn Thủy Nguyên 12. Nguyễn Quốc Quân
50	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012	Thiết bị đo góc nghỉ tự nhiên, thùng chứa nước, sàng, chày gỗ, cối và chày sứ,...	
51	Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012; AASHTO T194; BS 1377	Tủ sấy, lò nung, cân kỹ thuật, bình hút ẩm, cốc nhỏ, sàng, khay đựng mẫu, cốc sứ và chày sứ, ...	
52	Xác định thành phần và hàm lượng muối hoà tan	TCVN 8727:2012	Cân phân tích, tủ sấy, máy lắc, Phễu lọc, giấy lọc, bình định mức, pipets và buret,...	
V	<b>THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG</b>			
53	Xác định độ ẩm của đất	TCVN 8728:2012; TCVN 12791:2020; 22TCN 02:1971; AASHTO T204; BS 1377-9; ASTM D1556	Máy đo độ ẩm cầm tay, cảm biến độ ẩm đất, và thiết bị đo độ ẩm nhanh (bình canxi cacbua), Tủ sấy, cân điện tử, hộp nhôm, ....	
54	Xác định khối lượng thể tích của đất	TCVN 8729:2012; 22TCN 346:06; ASTM D1556; AASHTO T191; BS 1377-9	Gồm dao vòng, thiết bị rót cát, và dao cắt mẫu, tuân theo tiêu chuẩn,...	
55	Phương pháp thử nghiệm xác định modul đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011; ASTM D1195, D1194; AASHTO T221, T222, T235	Tấm ép cứng, kích thủy lực (thường 20-50 tấn), hệ thống chất tải (xe tải nặng), và đồng hồ đo võng (bàn nén tĩnh, <u>cần Benkelman</u> )	
56	Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT)	TCVN 9352:2012; TCVN 9846:2013; ASTM D3441, D5778; BS 1377	Gồm mũi xuyên ( <i>qc, fs, u</i> ), cần xuyên, bộ phận truyền lực (thủy lực), hệ thống đối tải (neo/xe tải), và bộ ghi dữ liệu, ...	
57	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	22TCN 355-06; ASTM D2573, D3441; AASHTO T223	Dụng cụ đo trực tiếp sức kháng cắt không thoát nước, Bộ phận cánh cắt (vane), cần nối, bộ phận quay và đo mô-men xoắn,...	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
58	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thử nghiệm SPT)	TCVN 9351:2012; AASHTO T206; ASTM D1586; BS 1377	Ổng lấy mẫu thìa chia đôi, đầu xuyên, bộ búa đóng SPT và cần khoan,...	1. Trần Đăng Tuấn 2. Bùi Bá Trường 3. Quảng Thị Hương 4. Nguyễn Thúy Lựu 5. Nguyễn Thị Mai Anh 6. Chu Thị Hiền 7. Đinh Thị Vân Huyền 8. Lê Thị Quyên 9. Nguyễn Thanh Hà 10. Trần Viết Cường 11. Nguyễn Thủy Nguyên 12. Nguyễn Quốc Quân
59	Xác định độ thấm nước của đất bằng đồ nước hố đào, hố khoan	TCVN 8731:2024	Bình chứa, máy bơm, thiết bị đo mực nước (thước đo, sensor), ống đong/thiết bị tự động duy trì cột nước, bộ neo và giá đỡ, cùng đồng hồ bấm giây....	
60	Xác định độ thấm nước của đá bằng phương pháp ép nước vào hố khoan	TCVN 9149:2024; ASTM D4719	Máy bơm công suất lớn, đồng hồ đo áp lực, lưu lượng kế, ống dẫn, thiết bị ngăn cách - quả bo (packer) và ống đo mức nước,....	
<b>VI</b>	<b>THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG</b>			
61	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, khay hứng, máy lắc sàng, và tủ sấy,....	
62	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022	Bộ phễu xác định độ lưu động (phễu chảy), cân kỹ thuật, thước kẹp, bay, chảo trộn, bàn dẫn, ...	
63	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022	Cân kỹ thuật (chính xác 1g), bình hình trụ/côn thể tích chuẩn không thấm nước, que đâm, và thước gạt phẳng.	
64	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022	Bộ phễu hút chân không, đồng hồ bấm giây, thiết bị thử lưu động, giấy lọc, ...	
65	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022	Bộ xuyên xác định thời gian đông kết vữa tươi,...	
66	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022	Cân kỹ thuật, hệ thống cân thủy tĩnh (bình chứa nước, giá đỡ), tủ sấy (105-110°C), parafin, bếp đun parafin, và thước kẹp/khuôn mẫu,...	
67	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022	Máy nén/uốn vạn năng, khuôn đúc mẫu, bàn rung hoặc chày đầm, cân kỹ thuật và các dụng cụ vệ sinh mẫu,...	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
VII	<b>PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG</b>			
68	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4506:2012	Cân phân tích điện tử độ chính xác cao, tủ sấy, bộ lọc chân không (phễu Büchner, bình lọc), và giấy lọc sợi thủy tinh,....	
69	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011; ISO 10523:2008	Ổng đồng, bình định mức, giấy chỉ thị Ph, nhiệt kế, hóa chất, nước cất,...	
70	Xác định hàm lượng ion Clorua (Cl-)	TCVN 6194:1996; ISO 9297:1989	Cốc mỏ, lò sấy, ống hút, bình hút ẩm, ống chuẩn độ vi lượng, phễu thủy tinh, giấy lọc, Bếp điện, lò nung, chén sứ chịu nhiệt,...	
71	Xác định hàm lượng ion Sunfat (SO4--)	TCVN 6200:1996; ISO 9280:1990	Cốc mỏ, lò sấy, ống hút, bình hút ẩm, ống chuẩn độ vi lượng, phễu thủy tinh, giấy lọc, Bếp điện, lò nung, chén sứ chịu nhiệt,	1. Trần Đăng Tuấn 2. Bùi Bá Trường 3. Quảng Thị Hương 4. Nguyễn Thủy Lựu
72	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 4565:1988; TCVN 6186:1996; ISO 8467:1993	Cốc mỏ, lò sấy, ống hút, bình hút ẩm, ống chuẩn độ vi lượng, phễu thủy tinh, giấy lọc, Bếp điện, lò nung, chén sứ chịu nhiệt,	5. Nguyễn Thị Mai Anh 6. Chu Thị Hiền 7. Đinh Thị Vân Huyền
73	Xác định hàm lượng Natri và Kali	TCVN 6196-3:2000	Cối và chày sứ, sàng phân tích, cân kỹ thuật, tủ sấy, bình hút ẩm, máy lắc, phễu lọc, pipet,...	8. Lê Thị Quyên 9. Nguyễn Thanh Hà 10. Trần Viết Cường
74	Cacbonic (CO2) tự do và ăn mòn	TCVN 6489:2009	Cối và chày sứ, sàng phân tích, cân kỹ thuật, tủ sấy, bình hút ẩm, máy lắc, phễu lọc, pipet,...	11. Nguyễn Thủy Nguyên 12. Nguyễn Quốc Quân
75	Độ Cacbonat; độ cứng toàn phần; độ cứng không cacbonat	TCXD 81:1981	Cối và chày sứ, sàng phân tích, cân kỹ thuật, tủ sấy, bình hút ẩm, máy lắc, phễu lọc, pipet,...	
76	Bicacbonat (HCO3-) và Cacbonat (CO32-); amoni (NH4+)	TCVN 6636:2000	Cốc mỏ, lò sấy, ống hút, bình hút ẩm, ống chuẩn độ vi lượng, phễu thủy tinh, giấy lọc, Bếp điện, lò nung, chén sứ chịu nhiệt,...	
77	Xác định hàm lượng Canxi (Ca2+); Magiê (Mg2+) Độ oxy hoá COD	TCVN 6224:1996	Cốc mỏ, lò sấy, ống hút, bình hút ẩm, ống chuẩn độ vi lượng, phễu thủy tinh, giấy lọc, Bếp điện, lò nung, chén sứ chịu nhiệt,...	

2.2. Thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 26/GCN-SXD ngày 03/06/2025 của Sở xây dựng thành phố Hà Nội.

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
<b>I</b>	<b>THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA</b>			
1	Thành phần hạt	TB 10102-2023	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân điện tử, tủ sấy,..	1. Trần Đăng Tuấn 2. Bùi Bá Trường 3. Quảng Thị Hương 4. Nguyễn Thúy Lựu 5. Nguyễn Thị Mai Anh 6. Chu Thị Hiền 7. Đinh Thị Vân Huyền 8. Lê Thị Quyên 9. Nguyễn Thanh Hà 10. Trần Viết Cường 11. Nguyễn Thủy Nguyên 12. Nguyễn Quốc Quân
2	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TB 10115-2023	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bình thủy tinh có nắp đậy, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, khay đựng mẫu, sàng tiêu chuẩn, ...	
3	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút ẩm của đá gốc và cốt liệu lớn	TB 10102-2023 TB 10115-2023	Cân thủy tĩnh, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, thước kẹp, tủ sấy, bàn chải sắt, ...	
4	Khối lượng thể tích xốp và độ xốp	TB 10115-2023	Cân kỹ thuật, phễu chứa vật liệu, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, thước lá, ...	
5	Độ ẩm	TB 10102-2023 TB 10115-2023	Cân kỹ thuật, tủ sấy, khay đựng mẫu, ...	
6	Hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét trong cốt liệu nhỏ	TB 10102-2023 TB 10115-2023	Cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, khay đựng mẫu, ...	
7	Lượng tạp chất hữu cơ	TB 10102-2023	Ống đong, cân kỹ thuật, bếp cách thủy, thang màu, ...	
8	Cường độ (kháng nén, kháng kéo) và hệ số hoá mềm của đá gốc; Xác định độ đồng nhất của đá bằng sóng âm	TB 10115-2023	Máy nén thủy lực, máy khoan, máy cưa, thước kẹp, thùng ngâm mẫu, cân kỹ thuật, ...; Máy siêu âm	
9	Độ nén đập, trương nở và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TB 10115-2023	Máy nén thủy lực, sàng tiêu chuẩn, khuôn nén đập, ...	
10	Độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy mài mòn và đập Los Angeles	TB 10102-2023 TB 10115-2023	Máy mài mòn Los Angeles, cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn,...	
11	Hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TB 10102-2023 TB 10115-2023	Cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, thước thoi dẹt, ...	
12	Khả năng phản ứng kiềm - silic	TB 10102-2023 TB 10115-2023	Cân kỹ thuật, tủ sấy, lò nung, búa, cối chày, sàng tiêu chuẩn, bình điều nhiệt, máy hút chân không, bếp cách thủy, bếp điện, chén sứ,...	
13	Hàm lượng clorua	TB 10102-2023 TB 10115-2023	Cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, khay đựng, búa, HNO <sub>3</sub> ,...	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
14	Hàm lượng sulfat và sulfit	TB 10102-2023 TB 10115-2023	Cân kỹ thuật, cân phân tích, sàng, bình hút ẩm, tủ sấy, cốc nung, ...	1. Trần Đăng Tuấn 2. Bùi Bá Trường 3. Quảng Thị Hương 4. Nguyễn Thúy Lưu 5. Nguyễn Thị Mai Anh 6. Chu Thị Hiền 7. Đinh Thị Vân Huyền 8. Lê Thị Quyên 9. Nguyễn Thanh Hà 10. Trần Viết Cường 11. Nguyễn Thủy Nguyên 12. Nguyễn Quốc Quân
15	Hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa	TB 10102-2023 TB 10115-2023	Sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, ...	
16	Hàm lượng silic oxit vô định hình	TB 10102-2023 TB 10115-2023	Sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, lò nung, bình kim loại, tủ sấy, bếp cách thủy, bình định mức, nước cất, NaOH, HCL, AgNO <sub>3</sub> , ...	
<b>II</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT</b>			
17	Khối lượng riêng/tỷ trọng	TB 10102-2023	Tủ sấy, bình tỷ trọng, cân điện tử,....	
18	Độ ẩm và độ hút ẩm	TB 10102-2023	Tủ sấy, cân điện tử, hộp nhôm, ....	
19	Giới hạn chảy, giới hạn dẻo	TB 10102-2023	Thiết bị Casagrande và dao trộn, tủ sấy, hộp nhôm, sàng tiêu chuẩn, chày cối sứ, tấm kính nhám,...	
20	Thành phần hạt	TB 10102-2023	Bộ sàng tiêu chuẩn, ống đong 1000ml, bình tam giác 250ml, tủ sấy, chày cối sứ, nước cất, tỉ trọng kế, ...	
21	Sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TB 10102-2023 TCVN 4199-1995	Máy cắt phẳng ứng biến và các phụ kiện kèm theo, dao vòng, ...	
22	Tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TB 10102-2023	Máy nén tam liên, dao vòng, cân điện tử, ...	
23	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TB 10102-2023	Cối đầm, tủ sấy, cân kỹ thuật, sàng, khay đựng, cối sứ, thùng đựng, thước kẹp, đồng hồ bấm giây, dao trộn đất,...	
24	Khối lượng thể tích/dung trọng	TB 10102-2023	Cân kỹ thuật, dao vòng, tấm kính, dao cắt mẫu, thước cặp, ...	
25	Chỉ số CBR của đất, đá dăm	TB 10102-2023	Thiết bị gia tải, đồng hồ đo biến dạng, cối CBR, tấm đệm, dụng cụ đo độ trương nở, tấm gia tải, bệ ngâm mẫu, tủ sấy, cân, sàng,...	
26	Sức kháng cắt không cố kết - không thoát nước và cố kết - thoát nước của đất dính trên thiết bị nén ba trục (UU, CU, CD)	TB 10102-2023	Máy nén ba trục, thiết bị chế tạo mẫu, cân kỹ thuật,...	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
27	Thí nghiệm nén một trục có nở hông có nở hông	TB 10102-2023	Máy nén, đồng hồ biến dạng, đồng hồ bấm giây, cân kỹ thuật, khay đựng mẫu,...	1. Trần Đăng Tuấn 2. Bùi Bá Trường 3. Quảng Thị Hương 4. Nguyễn Thúy Lựu 5. Nguyễn Thị Mai Anh 6. Chu Thị Hiền 7. Đinh Thị Vân Huyền 8. Lê Thị Quyên 9. Nguyễn Thanh Hà 10. Trần Viết Cường 11. Nguyễn Thủy Nguyên 12. Nguyễn Quốc Quân
28	Hệ số thấm K của đất và cát	TB 10102-2023	Dao vòng chứa mẫu, thiết bị thí nghiệm thấm, dụng cụ chế bị mẫu, nhiệt kế, đồng hồ bấm giây, thước cặp, cân kỹ thuật, dao cắt đất, ...	
29	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TB 10102-2023	Phao nổi chuyên dụng, lưới có lỗ ô vuông, bình thủy tinh trong suốt, thiết bị dụng cụ xác định độ ẩm của đất, bình giữ ẩm, cân kỹ thuật,...	
30	Xác định các đặc trưng trương nở của đất	TB 10102-2023	Thiết bị thí nghiệm trương nở chuyên dụng, dao vòng, cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, dao gạt đất, bộ dụng cụ chế bị mẫu,...	
31	Xác định các đặc trưng co ngót của đất	TB 10102-2023	Dao vòng, thước kẹp, cân kỹ thuật, dao cắt đất, paraffin, thiết bị dụng cụ xác định độ ẩm, xác định khối lượng thể tích,...	
32	Xác định góc nghỉ của đất rời	TB 10102-2023	Thiết bị đo góc nghỉ tự nhiên, thùng chứa nước, sàng, chày gỗ, cối và chày sứ,...	
33	Hàm lượng hữu cơ	TB 10102-2023 ASTM F1647, ASSHTO T267	Tủ sấy, lò nung, cân kỹ thuật, bình hút ẩm, cốc nhỏ, sàng, khay đựng mẫu, cốc sứ và chày sứ,...	
<b>III</b>	<b>PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC</b>			
34	Xác định độ pH, nhiệt độ	TB 10104-2003	Ống đong, bình định mức, giấy chỉ thị Ph, nhiệt kế, hóa chất, nước cất,...	
35	Xác định hàm lượng ion Clorua (Cl <sup>-</sup> )	TB 10104-2003	Cốc mô, lò sấy, ống hút, bình hút ẩm, ống chuẩn độ vi lượng, phễu thủy tinh, giấy lọc, Bếp điện, lò nung, chén sứ chịu nhiệt,...	
36	Xác định hàm lượng ion Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )	TB 10104-2003	Cốc mô, lò sấy, ống hút, bình hút ẩm, ống chuẩn độ vi lượng, phễu thủy tinh, giấy lọc, Bếp điện, lò nung, chén sứ chịu nhiệt,	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
37	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TB 10104-2003	Cốc mỏ, lò sấy, ống hút, bình hút ẩm, ống chuẩn độ vi lượng, phễu thủy tinh, giấy lọc, Bếp điện, lò nung, chén sứ chịu nhiệt,	1. Trần Đăng Tuấn 2. Bùi Bá Trường 3. Quảng Thị Hương 4. Nguyễn Thúy Lựu 5. Nguyễn Thị Mai Anh 6. Chu Thị Hiền 7. Đinh Thị Vân Huyền 8. Lê Thị Quyên 9. Nguyễn Thanh Hà 10. Trần Viết Cường 11. Nguyễn Thủy Nguyên 12. Nguyễn Quốc Quân
38	Xác định hàm lượng Natri và Kali	TB 10104-2003	Cối và chày sứ, sàng phân tích, cân kỹ thuật, tủ sấy, bình hút ẩm, máy lắc, phễu lọc, pipet,...	
39	Cacbonic (CO <sub>2</sub> ) tự do và ăn mòn	TB 10104-2003	Cối và chày sứ, sàng phân tích, cân kỹ thuật, tủ sấy, bình hút ẩm, máy lắc, phễu lọc, pipet,...	
40	Độ Cacbonat; độ cứng toàn phần; độ cứng không cacbonat	TB 10104-2003	Cối và chày sứ, sàng phân tích, cân kỹ thuật, tủ sấy, bình hút ẩm, máy lắc, phễu lọc, pipet,...	
41	Bicacbonat (HCO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) và Cacbonat (CO <sub>3</sub> <sup>2-</sup> ); amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	TB 10104-2003	Cốc mỏ, lò sấy, ống hút, bình hút ẩm, ống chuẩn độ vi lượng, phễu thủy tinh, giấy lọc, Bếp điện, lò nung, chén sứ chịu nhiệt,...	
42	Xác định hàm lượng Canxi (Ca <sup>2+</sup> ); Magiê (Mg <sup>2+</sup> ) Độ oxy hoá COD	TB 10104-2003	Cốc mỏ, lò sấy, ống hút, bình hút ẩm, ống chuẩn độ vi lượng, phễu thủy tinh, giấy lọc, Bếp điện, lò nung, chén sứ chịu nhiệt,...	
<b>IV</b>	<b>PHÂN TÍCH HÓA ĐẤT</b>			
43	Xác định độ pH	TB 10103-2008	Bình đựng mẫu, nhiệt kế, Ph - mét, điện cực thủy tinh và điện cực so sánh, ...	
44	Hàm lượng SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> hoà tan	TB 10103-2008	Phễu lọc tùy tinh xốp, bình thủy tinh có vòi, cân kỹ thuật, cát cô bằng bạch kim,...	
45	Hàm lượng Cl <sup>-</sup> hoà tan	TB 10103-2008	Các thuốc thử (AgNO <sub>3</sub> , KALI CRONAT, NaCl, HNO <sub>3</sub> , ...), buret, ...	
46	Hàm lượng tạp chất hữu cơ	TB 10103-2008	Nồi cách thủy, ống nghiệm, buret, bình đong, pipet,...	
47	Tổng lượng muối dễ hòa tan trong đất	TB 10103-2008	Cốc mỏ 50ml, ống hút 50ml, bình hút ẩm, tủ sấy, cân kỹ thuật, dung dịch H <sub>2</sub> O <sub>2</sub> 10% và nước cất,...	

Công ty Tư vấn Địa kỹ thuật (HEC14) - Chi nhánh Tổng công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP tại Hà Nội (Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng) chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của thông tin công bố

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC  
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**



**Đỗ Ngọc Cường**

**Phụ lục 1: Thông tin chi tiết thí nghiệm viên để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm đã công bố**  
 (Kèm theo văn bản "Công bố thông tin về năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng" ngày 08/4/2026 của Công ty tư vấn Địa kỹ thuật - Chi nhánh Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam- CTCP)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Thời gian công tác
1	Trần Đăng Tuấn	1976	- Kỹ sư Địa chất công trình - Chứng nhận bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 911/2006/VKH-THXD Viện Khoa học Công nghệ xây dựng cấp ngày 15/12/2006 - Chứng nhận đào tạo thí nghiệm về: + Bồi dưỡng nâng cao kiến thức và tay nghề cho Thí nghiệm viên “ <b>Đất đá xây dựng</b> ” tại trung tâm nghiên cứu Địa kỹ thuật của Trường đại học Mỏ - Địa chất. Số : 03-05 cấp ngày 22/04/2005. + Hoàn thành chương trình tập huấn tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 số 1915-2017 do Học viện cán bộ quản lý xây dựng và đô thị- Bộ xây dựng cấp ngày 17/11/2017	26 năm
2	Bùi Bá Trường	1944	- Kỹ sư Địa chất công trình - Chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về “ Phương pháp xác định các tính chất cơ bản của đất, đá và vật liệu xây dựng” số 08/09 do Trung tâm nghiên cứu Địa kỹ thuật- Đại học Mỏ Địa chất cấp ngày 20/02/2009	58 năm
3	Nguyễn Thị Mai Anh	1972	- Cử nhân Kinh tế - Chứng chỉ đào tạo thí nghiệm viên: + Bồi dưỡng nâng cao kiến thức và tay nghề cho Thí nghiệm viên “ <b>Đất đá xây dựng</b> ” tại trung tâm nghiên cứu Địa kỹ thuật của Trường đại học Mỏ - Địa chất. Số : 11-05 cấp ngày 22/04/2005.	32 năm
4	Chu Thị Hiền	1978	- Kỹ sư Địa chất công trình - Chứng chỉ đào tạo thí nghiệm viên: + Bồi dưỡng nâng cao kiến thức và tay nghề cho Thí nghiệm viên “ <b>Đất đá xây dựng</b> ” tại trung tâm nghiên cứu Địa kỹ thuật của Trường đại học Mỏ - Địa chất. Số : 17-05 cấp ngày 22/04/2005.	22 năm
5	Quảng Thị Hương	1975	- Kỹ sư kỹ thuật địa chất - Chứng chỉ đào tạo thí nghiệm viên: + Bồi dưỡng nâng cao kiến thức và tay nghề cho Thí nghiệm viên “ <b>Đất đá xây dựng</b> ” tại trung tâm nghiên cứu Địa kỹ thuật của Trường đại học Mỏ - Địa chất. Số : 20-05 cấp ngày 22/04/2005. + Đào tạo thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng Giao thông K13- số 1002/QĐ/KHCN- GTVT do Viện khoa học và công nghệ GTVT- Bộ Giao thông vận tải cấp ngày 23/10/2026	22 năm

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Thời gian công tác
6	Nguyễn Thúy Lựu	1972	- Kỹ thuật viên - Chứng chỉ đào tạo thí nghiệm viên: + Bồi dưỡng nâng cao kiến thức và tay nghề cho Thí nghiệm viên “ <b>Đất đá xây dựng</b> ” tại trung tâm nghiên cứu Địa kỹ thuật của Trường đại học Mở - Địa chất. Số : 14-05 cấp ngày 22/04/2005.	33 năm
7	Lê Thị Quyên	1981	- Kỹ sư Địa chất Công trình - Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về: “ Phương pháp xác định các tính chất cơ bản của đất đá và vật liệu xây dựng” số 22/28 do Trung tâm nghiên cứu Địa kỹ thuật Đại học Mở Địa chất cấp ngày 26/12/2008	23 năm
8	Đinh Thị Vân Huyền	1981	- Cử nhân - Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về: “ Phương pháp phân tích nước dùng trong xây dựng” số 1030/2012/VKH-TNXD do Viện Khoa học Công nghệ xây dựng cấp ngày 11/7/2012 - Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về: “ Phương pháp xác định các tính chất cơ bản của đất đá và vật liệu xây dựng” số 19/28 do Trung tâm nghiên cứu Địa kỹ thuật Đại học Mở Địa chất cấp ngày 26/12/2008	20 năm
9	Nguyễn Thanh Hà	1988	- Kỹ sư địa chất - Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về: “ Không phá hủy” thuộc đề án “Tăng cường kiểm định chất lượng công trình xây dựng ở Việt Nam” số 14633/2017/VKH-TNXD do Viện khoa học công nghệ xây dựng cấp ngày 28/8/2017	12 năm
10	Trần Viết Cường	1980	- Kỹ sư Địa chất - Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm “ Kiểm tra chất lượng Bê tông bằng phương pháp không phá hủy” do Viện khoa học Công nghệ và đầu tư xây dựng- Tổng hội Xây dựng Việt Nam tổ chức. Số 201604001/VKHHCN ngày 02/001/2016	12 năm
11	Nguyễn Thủy Nguyên	1969	- Kỹ sư Địa chất - Chứng chỉ hành nghề hạng II	33 năm
12	Nguyễn Quốc Quân	1964	- Kỹ sư Địa chất Công trình - Chứng chỉ hành nghề xây dựng hạng I	36 năm

**Phụ lục 2: Thông tin chi tiết thiết bị để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm đã công bố**  
(Kèm theo văn bản "Công bố thông tin về năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng" ngày 08/4/2026 của Công ty tư vấn Địa kỹ thuật - Chi nhánh Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam- CTCP)

TT	TÊN CÁC LOẠI THIẾT BỊ	NƯỚC SẢN XUẤT	SỐ LƯỢNG	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT
1	Máy nén bê tông + đá	Italia	01	Khả năng nén 3000kN
2	Máy cưa đá + bê tông	Hà Lan	01	Mạch cưa 100mm
3	Máy cưa đá + bê tông	Hà Lan	01	Mạch cưa 200mm
4	Máy mài đá + bê tông	Trung Quốc	02	Mài thô
5	Máy mài đá	Mỹ	01	Mài tinh
6	Máy nghiền đá	Trung Quốc	01	Nghiền mịn
7	Hòm thí nghiệm dung dịch sét	Liên Xô	01	Thí nghiệm hiện trường
8	Bộ thí nghiệm hoá nước vi lượng	Mỹ	01	Lượng phân tích 25ml (Độ chính xác 0.01me/l)
9	Máy phân tích nước S12	Đức	01	Đo quang
10	Máy trộn vật liệu 15 kg	Nhật	01	Lượng trộn tối đa 15kg
11	Máy trộn vật liệu 5 kg	Nhật	01	Lượng trộn tối đa 5kg
12	Máy sàng cốt liệu	Anh	01	Sàng cả bộ 10 chiếc
13	Máy cắt ứng biến mô tơ	Anh	02	25 tốc độ (từ 0.0024-1.2mm/phút)
14	Máy cắt ứng biến mô tơ ZJ	Trung Quốc	02	4 tốc độ (từ 0.02-2.4mm/phút)
15	Máy khoan đá	Trung Quốc	01	Đường kính nỗng khoan 50 mm
16	Khuôn mẫu đúc BT 5x5x5	Việt Nam	01 bộ	Khuôn đúc mở 4 mặt
17	Khuôn mẫu đúc BT 10x10x10	Việt Nam	01 bộ	Khuôn đúc mở 4 mặt
18	Khuôn mẫu đúc BT 15x15x15	Việt Nam	01 bộ	Khuôn đúc mở 4 mặt
19	Khuôn mẫu đúc BT 20x20x20	Việt Nam	01 bộ	Khuôn đúc mở 4 mặt
20	Lò vi sóng	Pháp	01	Sấy nhanh lượng ngậm nước
21	Khuôn đo độ sụt	Việt Nam	01	Theo TCVN
22	Máy đầm tiêu chuẩn JDS-I	Trung Quốc	02	Đầm tự động, 02 cỡ khuôn đầm đường kính 100 và 152 mm
23	Máy cắt đất dăm sạn, sỏi	Anh	01	Lực ép 10T (đường kính sạn sỏi tối đa 50mm)
24	Máy cắt ba trục	Trung Quốc	02	30 tốc độ (từ 0.00048-6.0mm/phút)
25	Máy cắt cánh PILCON	Anh	02	Lực nén từ 0-120 kG
26	Cân điện tử PRECISA	Thụy Sĩ	01	Độ chính xác 0.01g
27	Cân điện tử Ohaus	Mỹ	01	Độ chính xác 0.01g
28	Cân điện tử EXCELL	Anh	01	Độ chính xác 0.1g
29	Tủ sấy Vindon	Anh	01	0-200°C, dung tích 200l
30	Tủ sấy UE600	Trung Quốc	01	0-200°C, dung tích 240l

TT	TÊN CÁC LOẠI THIẾT BỊ	NƯỚC SẢN XUẤT	SỐ LƯỢNG	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT
31	Máy nén nhất liên	Trung Quốc	03	Lực nén 0-120kG
32	Máy nén Tam Liên	Trung Quốc	12	Lực nén 0-120kG
33	Máy ly tâm	Trung Quốc	01	3000 vòng/phút
34	Máy ly tâm	Hung ga ri	01	3000 vòng/phút
35	Dụng cụ TN thấm cát sỏi	Nhật Bản	02	Lượng mẫu 1kg
36	Máy cắt ứng biến	Trung Quốc	02	Đường kính mẫu 62mm
37	Máy hút chân không	Anh	01	Dung tích buồng 5l
38	Máy so màu quang điện	Liên Xô	01	10 chỉ tiêu, lượng phân tích 10ml
39	Bộ chung cất nước	Trung Quốc	01	5l/giờ
40	Bộ chung cất nước	Đức	01	5l/giờ
41	Hộp thấm Nam Kinh	Trung Quốc	15	Đường kính mẫu 61.8mm
42	Hộp thấm Kamenski	Liên Xô	03	Lượng mẫu 100g
43	Xuyên tiêu chuẩn trong phòng	Anh	02	Trọng lượng mũi xuyên 80g
44	Dụng cụ TN Casagrade	Anh	03	
45	Thiết bị thí nghiệm trương nở và tan rã	Nhật Bản	02bộ	Đường kính mẫu 50mm, chiều cao mẫu 50mm
46	Cân bàn 100 kg	Trung Quốc	02	Độ chính xác 0.1kg
47	Cân điện 200g	Trung Quốc	01	Độ chính xác 0.001g
48	Cân phân tích 1000g	Trung Quốc	02	Độ chính xác 0.01g
49	Bộ sàng BS (TC Anh)	Anh	02	Các cỡ theo tiêu chuẩn BS
50	Bộ sàng ASTM	Mỹ	01	Các cỡ theo tiêu chuẩn ASTM
51	Bộ sàng cốt liệu	Trung Quốc	02	Các cỡ từ 0.15-70mm
52	Nhiệt kế 50°C, 100°C	Đức	05	
53	Phao tỷ trọng kế	Trung Quốc	02	Thí nghiệm độ hạt của đất
54	Phao tỷ trọng kế	Anh	02	Thí nghiệm độ hạt của đất
55	Vi cat	Trung Quốc	01	Thí nghiệm bê tông
56	Bay chảo	Việt Nam	01bộ	Thí nghiệm bê tông
57	Khuôn 4x4x16	Việt Nam	01bộ	Thí nghiệm bê tông
58	Càng thử ổn định thể tích xi măng	Trung Quốc	01bộ	Thí nghiệm bê tông
59	Máy nén xi măng 5T	Italia	01bộ	Thí nghiệm bê tông
60	Bàn dằn	Trung Quốc	01bộ	Thí nghiệm bê tông
61	Bàn rung	Trung Quốc	01bộ	Thí nghiệm bê tông
62	Đồng hồ đo biến dạng	Trung Quốc	39	Độ chính xác 0.001mm, hành trình 10mm
63	Máy thí nghiệm mài mòn MH II	Trung Quốc	01	Thí nghiệm độ mài mòn
64	Thang màu tiêu chuẩn	Mỹ	01	Thí nghiệm hàm lượng hữu cơ
65	Xi lanh thép $\phi 75$ và $\phi 150$ , để rời	Trung Quốc	01 bộ	Thí nghiệm cường độ nén dập của cốt liệu bê tông

TT	TÊN CÁC LOẠI THIẾT BỊ	NƯỚC SẢN XUẤT	SỐ LƯỢNG	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT
66	Máy siêu âm bê tông, đá và súng bật nảy	Thụy sỹ	01 bộ	Xác định độ đồng nhất bằng sóng âm và cường độ không phá hoại của bê tông, đá
67	Bộ dụng cụ đo biến dạng	Italia	01 bộ	Thí nghiệm môđun biến dạng, môđun đàn hồi và hệ số poát sông của đá, bê tông
68	Máy đầm CBR	Trung Quốc	01 bộ	Đầm mẫu đất thí nghiệm
69	Bộ thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	Trung Quốc	04 bộ	Phục vụ thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn
70	Máy bơm công suất lớn, đồng hồ đo áp lực, lưu lượng kế, thùng lưu lượng, ống dẫn, thiết bị ngăn cách - quả bo (packer) và ống đo mức nước, thước đo ...	Trung Quốc	04 bộ	Phục vụ thí nghiệm đổ nước, ép nước
71	Lò nung	Trung Quốc	01 bộ	Đốt nóng phân tích hữu cơ các thành phần mẫu đất đá, nước